

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN (SEAPRODEX SAIGON)

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005673 đăng ký lần đầu ngày 07/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 02/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Thông báo chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu số/TB-SGDHN do Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày/...../2013)

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 39142219

Fax: (84-8) 39142236

2. CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12 và 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 39366426

Fax: (84-4) 39360262

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Trần Ngọc Thành

Chức vụ: Phó Phòng Kế Toán Tài vụ

Điện thoại: (84-8) 38210280/0919690909



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN (SEAPRODEX SAIGON)

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005673 đăng ký lần đầu ngày 07/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 02/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp)



ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu : Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Tổng số lượng đăng ký giao dịch : 9.600.000 cổ phiếu
Tổng giá trị đăng ký giao dịch : 96.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Địa chỉ: 426 Cao Thắng, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 38683306

TỔ CHỨC TƯ VẤN:



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12 và 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 39366426

Fax: (84-4) 39360262



MỤC LỤC



I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1.	Rủi ro về kinh tế.....	6
2.	Rủi ro luật pháp.....	9
3.	Rủi ro cạnh tranh.....	9
4.	Rủi ro đặc thù	10
5.	Rủi ro nguồn nguyên liệu	10
6.	Rủi ro biến động giá cổ phiếu	11
7.	Rủi ro khác	11
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	12
1.	Tổ chức đăng ký giao dịch	12
2.	Tổ chức tư vấn.....	12
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	13
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	14
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	14
1.1.	Giới thiệu về Công ty.....	14
1.2.	Lịch sử hình thành và phát triển	15
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty	16
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	16
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	21
4.1.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	21
4.2.	Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	22



5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch.....	23
5.1.	Danh sách công ty mẹ của tổ chức đăng ký giao dịch.....	23
5.2.	Danh sách những công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch.....	23
6.	Hoạt động kinh doanh.....	24
6.1.	Hoạt động kinh doanh và sản phẩm/dịch vụ chính.....	24
6.2.	Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm	27
6.3.	Chi phí.....	28
6.4.	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	29
6.5.	Hoạt động Marketing	29
6.6.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	30
6.7.	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	30
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất	30
7.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất.....	30
7.2.	Phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo..	31
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	31
8.1.	Vị thế của Công ty trong ngành.....	32
8.2.	Triển vọng phát triển của ngành	33
8.3.	Đánh giá về sự phù hợp của định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới...	36
9.	Chính sách đối với người lao động.....	36
9.1.	Số người lao động trong Công ty.....	36
9.2.	Các chính sách đối với người lao động.....	37



10.	Chính sách cổ tức	38
11.	Tình hình tài chính	38
11.1.	Các chỉ tiêu cơ bản	39
11.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	44
12.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát	45
12.1.	Hội đồng quản trị	45
12.2.	Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	51
12.3.	Ban kiểm soát	55
13.	Tài sản	58
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013	59
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch	64
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới tổ chức đăng ký giao dịch ..	64
V.	CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	65
1.	Loại chứng khoán	65
2.	Mệnh giá	65
3.	Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch	65
4.	Phương pháp tính giá	65
5.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	66
6.	Các loại thuế có liên quan	67
6.1.	Đối với Công ty	67
6.2.	Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán	67
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	70
1.	Tổ chức tư vấn	70
2.	Tổ chức kiểm toán	70
VII.	PHỤ LỤC	71

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của một công ty là căn cứ cơ bản và khá phổ biến cho các quyết định của nhà đầu tư. Xem xét sự biến động tình hình sản xuất kinh doanh của công ty là gián tiếp dự đoán giá cả của chứng khoán công ty. Các nhà đầu tư có thể nhận định tình hình sản xuất kinh doanh thông qua các nhân tố kinh tế sau: tốc độ tăng trưởng GDP, lãi suất, tỷ giá hối đoái... cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của công ty nói riêng.

Tốc độ tăng trưởng GDP

- Sáu tháng đầu năm 2013, kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Ở trong nước, kinh tế - xã hội có chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả.
- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) sáu tháng đầu năm 2013 ước tính tăng 4,90% so với cùng kỳ năm 2012, trong đó quý I tăng 4,76%; quý II tăng 5,00%. Tốc độ tăng GDP sáu tháng đầu năm nay xấp xỉ mức tăng cùng kỳ năm 2012 (4,93%) nhưng thấp hơn nhiều mức tăng 6,22% của cùng kỳ năm 2010 và mức tăng 5,92% của cùng kỳ năm 2011. Mức tăng và mức đóng góp của các khu vực kinh tế sáu tháng đầu năm trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế như sau:
 - Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,07% (cùng kỳ hai năm trước: Năm 2011 tăng 3,90%; năm 2012 tăng 2,88%), đóng góp 0,40 điểm phần trăm (cùng kỳ hai năm trước: Năm 2011 đóng góp 0,78 điểm phần trăm; năm 2012 đóng góp 0,56 điểm phần trăm).
 - Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,18% (cùng kỳ hai năm trước như sau: Năm 2011 tăng 6,63%; năm 2012 tăng 5,59%), đóng góp 1,99 điểm phần trăm (cùng kỳ hai năm trước: Năm 2011 đóng góp 2,52 điểm phần trăm; năm 2012 đóng góp 2,14 điểm phần trăm).
 - Khu vực dịch vụ tăng 5,92% (cùng kỳ hai năm trước như sau: Năm 2011 tăng 6,23%; năm 2012 tăng 5,29%), đóng góp 2,51 điểm phần trăm (cùng kỳ hai năm trước: Năm 2011 đóng góp 2,62 điểm phần trăm; năm 2012 đóng góp 2,23 điểm phần trăm).

- Số liệu trên cho thấy tăng trưởng kinh tế nước ta một vài năm gần đây phần lớn do đóng góp của khu vực dịch vụ. Trong khu vực dịch vụ sáu tháng đầu năm nay, mức tăng của một số ngành chiếm tỷ trọng lớn như sau: Ngành bán buôn và bán lẻ tăng 5,33%; ngành kinh doanh bất động sản tăng 1,8%; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 8,78%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,4%; giáo dục và đào tạo tăng 8,02%; vận tải kho bãi tăng 5,59%. Các ngành khác tăng từ 7 - 8%.
- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; khu vực công nghiệp và xây dựng là hai khu vực có mức tăng trưởng thấp hơn, chủ yếu do khó khăn trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; khó khăn về vốn, tiêu thụ sản phẩm và mức tồn kho cao trong khu vực công nghiệp và xây dựng. Tuy nhiên, ngành công nghiệp chế biến chế tạo đã có chuyển biến khá nhanh từ đầu quý II với giá trị tăng thêm quý II cao hơn 2,3 điểm phần trăm so với quý I (Tương ứng năm trước chỉ cao hơn 0,4 điểm phần trăm).
- Về cơ cấu tổng sản phẩm trong nước sáu tháng đầu năm, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 18,18%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,70%; khu vực dịch vụ chiếm 43,12%.
- Tốc độ tăng trưởng GDP tăng thấp sẽ làm cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, hàng tồn kho tăng cao. Theo đánh giá chung, năm 2013 được nhận định là vẫn là năm khá khắc nghiệt đối với hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và của công ty nói riêng, đặt công ty trước tình thế phải đổi mới, vươn lên và có những chính sách kinh doanh linh hoạt.

Lạm phát

- Lạm phát sáu tháng đầu năm nhìn chung không có biến động lớn và giữ ổn định ở mức tăng hoặc giảm nhẹ. Riêng chỉ số giá mặt hàng lương thực và thực phẩm (chiếm tỷ trọng lớn trong rổ hàng hóa tiêu dùng) chỉ tăng vào hai tháng đầu năm do ảnh hưởng của nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp Tết Nguyên đán, các tháng sau có chỉ số giá giảm. Biểu hiện này của giá tiêu dùng cho thấy thực tế hai mặt của vấn đề ổn định vĩ mô trong năm nay cần được xem xét kỹ, đó là lạm phát mặc dù được kiềm chế do tích cực thực hiện các giải pháp, nhưng thị trường cầu hiện đang ở mức thấp, phản ánh sức mua trong dân yếu, đồng nghĩa với sản xuất đang gặp khó khăn về tiêu thụ sản phẩm.



- Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2013 tăng 2,4% so với tháng 12/2012 và tăng 6,69% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân sáu tháng đầu năm nay tăng 6,73% so với bình quân cùng kỳ năm 2012.
- Thị trường cuối tháng 6 bất ngờ đón nhận thông tin giá xăng tăng thêm hơn 370 đồng/lít và lên mức cao kỷ lục từ trước tới nay. CPI tháng 6 nhiều khả năng chịu lực đẩy từ việc điều chỉnh tăng giá xăng dầu này, cũng như việc điều chỉnh tăng giá các mặt hàng quan trọng như than, điện... Nhìn chung mặt bằng giá cả còn cao, sự tăng giá của hàng loạt các mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, điện, nguyên liệu sản xuất... ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân, đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của công ty.

Lãi suất

- Với diễn biến lạm phát thuận lợi từ hơn một năm qua, Ngân hàng Nhà nước chủ động hạ mặt bằng lãi suất với các lãi suất chủ chốt nhằm bơm thêm cung tiền để kích thích sức cầu nền kinh tế. Trong sáu tháng đầu năm mặt bằng lãi suất liên tục giảm, các lãi suất như lãi suất chiết khấu, tái cấp vốn hiện chỉ còn 5% và 7%. Đường cong lãi suất dần được đưa về dạng chuẩn theo các kỳ hạn. Hiện nay, trần lãi suất huy động chỉ áp dụng cho kỳ hạn 6 tháng và hạ xuống còn 7%. Lãi suất huy động VND do đó đã giảm 2-3% so với cuối năm 2012. Mặt bằng lãi suất cho vay cũng giảm khoảng 3-4%/năm và đã trở về mức lãi suất của giai đoạn 2005-2006.
- Do hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty yêu cầu phải có nguồn vốn khá lớn để nhập khẩu hàng hóa và phát triển hoạt động sản xuất thủy hải sản, nông sản xuất khẩu. Tuy nhiên, nguồn vốn tự có của công ty còn thấp và thiếu vốn lưu động nên các khoản nợ vay của công ty chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản, do vậy rủi ro liên quan đến mức biến động lãi suất cho vay và rủi ro thanh khoản cũng hết sức quan trọng mà nhà đầu tư phải chú ý khi xem xét quyết định. Nợ vay ngân hàng chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản của công ty vì thế biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động của công ty.
- Nhưng tình hình lãi suất thuận lợi như hiện nay là điều kiện thuận lợi để giảm chi phí lãi vay của công ty và là cơ hội để công ty tiếp cận nguồn vốn, phát triển các lĩnh vực kinh doanh.

Tỷ giá hối đoái

- Chính sách tỷ giá của Việt Nam được duy trì ổn định trong suốt thời gian qua và chưa có một lần điều chỉnh tỷ giá chính thức nào từ gần 2 năm nay. Những biến động gần đây của tỷ giá, đặc biệt sau khi NHNN điều chỉnh tăng tỷ giá USD/VND thêm 1%, gây nên những lo ngại về những đợt điều chỉnh lớn tiếp theo.
- Hoạt động của công ty liên quan đến lĩnh vực xuất nhập khẩu vì vậy những biến động về tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty. Để giảm thiểu các rủi ro này, công ty luôn theo dõi sát sao diễn biến tỷ giá và đề ra các biện pháp phòng ngừa phù hợp cho từng giai đoạn.

Nguồn số liệu: Báo cáo kinh tế vĩ mô 6 tháng năm 2013 của VCBS

2. Rủi ro luật pháp

- Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng từ ngày 08/08/2006. Mọi hoạt động của công ty đều chịu ảnh hưởng của bởi các quy định của pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, các luật về thuế... và các quy định liên quan đến các chính sách của Nhà nước như: ưu đãi đầu tư, tăng giảm thuế, đất đai, môi trường, cơ sở hạ tầng, xuất nhập khẩu...
- Tuy nhiên, do hệ thống luật của nước ta còn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, do vậy việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hội nhập với nền kinh tế thế giới.

3. Rủi ro cạnh tranh

- Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường là một quy luật tất yếu không thể tránh khỏi, đặc biệt là trong tình hình nước ta đã gia nhập WTO thì sự cạnh tranh là rất gay gắt giữa các công ty cùng ngành trong và ngoài nước về sản phẩm kinh doanh, giá cả, thị phần, công nghệ... ảnh hưởng đến việc kinh doanh chung của công ty. Tuy nhiên, đây cũng là yếu tố mang tính thúc đẩy công ty tập trung cải tiến chất lượng sản phẩm, dịch vụ mở rộng thêm thị trường tiêu thụ nhất là thị trường xuất khẩu, nâng cao tính chuyên nghiệp trong việc cung cấp các sản phẩm, mẫu mã bao bì... để tăng tính cạnh tranh của sản phẩm của công ty trên thị trường.



- Trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn, sự cạnh tranh đối với mảng dịch vụ cho thuê kho bãi, kho lạnh ngày càng gay gắt. Bên cạnh đó, công ty vừa mới tham gia vào thị trường bất động sản nên sẽ gặp phải nhiều khó khăn về kinh nghiệm, nguồn vốn và uy tín so với các công ty chuyên về lĩnh vực này.
- Đối với lĩnh vực nhập khẩu, công ty đối mặt với sự cạnh tranh về giá của hàng trong nước và hàng nhập giá rẻ từ Trung Quốc.

4. Rủi ro đặc thù

- Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư về phân phối trong nước nên khả năng tiêu thụ hàng hóa nhập khẩu ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của công ty và vấn đề công nợ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu, lợi nhuận của công ty.
- Đối với hoạt động xuất khẩu thủy hải sản, nông sản, Công ty chịu nhiều rủi ro khi tham gia vào các thị trường như Mỹ, EU, Đông Âu do những đòi hỏi khắt khe về tiêu chuẩn chất lượng và các quy định khác.
- Trong quá trình xây dựng và phát triển các dự án đầu tư dài hạn, công ty có thể gặp nhiều khó khăn như vấn đề về khả năng huy động vốn cho dự án, tính thực thi của dự án và những biến động của môi trường xung quanh ảnh hưởng đến việc triển khai dự án.

5. Rủi ro nguồn nguyên liệu

- Nguồn nguyên liệu thủy sản trong thời gian qua được đánh giá là thiếu ổn định về sản lượng lẫn giá cả, bị ảnh hưởng bởi các hiện tượng bất thường của thời tiết, nguồn nước bị ô nhiễm, con giống bị nhiễm bệnh...
 - Tình trạng thiên tai như bão lụt xảy ra định kỳ vào mùa mưa bão trong năm dẫn đến nguồn nguyên liệu đầu vào của công ty cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng.
 - Mặt khác, hầu như các đơn vị chế biến thủy hải sản chưa có vùng nuôi riêng nên công ty cũng có thể gặp nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh thu mua nguyên liệu.
- Chính những điều này đã làm ảnh hưởng đến giá cả nguyên liệu và tình hình sản xuất của công ty.



6. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

- Việc đưa cổ phiếu SeaproDEX SaiGon lên giao dịch trên sàn UPCoM sẽ đem lại những lợi ích to lớn cho công ty như: quảng bá rộng rãi thương hiệu và hình ảnh công ty, nâng cao uy tín, tăng cường tính thanh khoản cổ phiếu, chuẩn mực hóa công tác quản trị và điều hành công ty.
- Tuy nhiên, một khi cổ phiếu được đưa vào giao dịch tập trung thì rủi ro biến động giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không thể tránh khỏi.
- Giá cả cổ phiếu trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố, trong đó tình hình hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký giao dịch chỉ là một yếu tố mang tính tham khảo. Giá cả biến động phụ thuộc rất nhiều vào: cung – cầu cổ phiếu, yếu tố tâm lý nhà đầu tư trên thị trường, sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, tình hình kinh tế – xã hội trong và ngoài nước. Sự biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chắc chắn có ảnh hưởng đến cổ phiếu công ty.

7. Rủi ro khác

- Một số rủi ro khác mang tính bất thường, bất khả kháng như: thiên tai, dịch họa, chiến tranh, dịch bệnh, hỏa hoạn... khi xảy ra thì tác động rất lớn và nghiêm trọng về người, tài sản và tình hình hoạt động chung của công ty.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức đăng ký giao dịch

Bà Bùi Thị Phương Thảo	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Duy Dũng	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Minh Nga	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà Lê Thị Minh Liên	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông Lê Văn Minh	Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh
------------------------	--

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn (Seaprodex SaiGon). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

- BKS	Ban kiểm soát
- BTGD	Ban Tổng Giám đốc
- CBCNV	Cán bộ công nhân viên
- CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Công ty	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn
- DTT	Doanh thu thuần
- ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
- FAO	Food and Agriculture Organization of the United Nations – Tổ chức lương thực và nông nghiệp Liên Hiệp Quốc
- GDP	Gross Domestic Product – Tổng sản phẩm nội địa
- HĐQT	Hội đồng quản trị
- KH	Kế hoạch
- PD	Tôm thẻ bỏ vỏ rút tim
- NHNN	Ngân hàng Nhà nước
- SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
- SEAPRODEX SAIGON	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn
- SXKD	Sản xuất kinh doanh
- TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
- TSCĐ	Tài sản cố định
- VASEP	Hiệp hội chế biến và xuất khẩu Thủy sản Việt Nam
- VCBS	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam




IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty

- Tên công ty: **Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn**
- Tên tiếng Anh: **Saigon Seaproducts Import Export Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **Seaprodex SaiGon**



- Biểu tượng công ty: 
- Vốn điều lệ: 96.000.000.000 đồng (*Chín mươi sáu tỷ đồng*)
- Trụ sở chính: 87 Hàm Nghi, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 39142219
- Fax: (84-8) 39142236
- Email: info@seaprodexsg.vn
- Website: www.seaprodexsg.com
- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy CNĐKKD số 4103005673 đăng ký lần đầu ngày 07/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 02/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp
 - Mua bán vật tư ngành thủy sản, thủy hải sản.
 - Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ.
 - Kinh doanh vận tải biển.
 - Công nghiệp khai thác cá và các thủy sản khác.



- Mua bán vải sợi, hàng thực phẩm chế biến.
- Đại lý vận tải biển.
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Mua bán thủy sản, nông sản, thực phẩm, máy móc thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu, sản phẩm hóa học (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phương tiện vận tải, thức ăn gia súc – thủy sản, vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật), thức ăn nuôi trồng thủy sản, bạc nguyên chất (hàm lượng bạc trên 90%) dạng thỏi hoặc bán thành phẩm.
- Sản xuất gia công linh kiện thép.
- Kinh doanh kho, bãi.
- Kinh doanh, dịch vụ nhà ở và văn phòng làm việc.
- Mua bán thuốc bảo vệ thực vật.
- Luyện, cán thép (không hoạt động tại trụ sở).
- Kinh doanh bất động sản.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

- Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Tp.Hồ Chí Minh được thành lập theo quyết định số 11.3/TS-QĐ của Bộ trưởng Bộ Thủy sản ký ngày 11/03/1992 trực thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Seaprodex trên cơ sở hợp nhất và tổ chức lại của ba đơn vị gồm:
 - Trung tâm Thương mại Xuất nhập khẩu Thủy sản.
 - Công ty Kho vận.
 - Công ty Vận tải biển.
- Theo quyết định số 243TS/QĐ-TC ngày 31/03/1993 về việc thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thủy sản Tp.Hồ Chí Minh với tên gọi là Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Tp.Hồ Chí Minh.
- Ngày 08/08/2006, Bộ Thủy sản Việt Nam ra Quyết định số 604/QĐ-BTS phê duyệt phương án chuyển Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Tp.Hồ Chí Minh – đơn vị kinh tế quốc doanh trực thuộc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam thành công ty cổ phần với tên



gọi là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn, vốn điều lệ là 96.000.000.000 đồng.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn (SeaproDEX SaiGon) được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 08 thông qua ngày 29/11/2005.
- Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành của công ty là điều lệ tổ chức và hoạt động được ĐHCĐ thông qua vào tháng 04/2012.
- **Văn phòng Công ty:** Nơi đặt trụ sở chính của SeaproDEX SaiGon, có văn phòng làm việc của HĐQT, BTGD, BKS và các phòng ban chức năng.
 - Địa chỉ: 87 Hàm Nghi, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: (84-8) 39142219
 - Fax: (84-8) 39142236

▪ Các đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn – Kho lạnh Sea Sài Gòn:

- Địa chỉ: Lô E, đường 12, KCN Sóng Thần II, huyện Dĩ An, Bình Dương
- Điện thoại: (84-650) 3793639
- Email: kholanh_seasg@gmail.com

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn – Xí nghiệp Phú Viên

- Địa chỉ: Tổ 2, P.Bồ Đề, Q.Long Biên, Tp.Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 38271640

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn – Xí nghiệp Kho vận

- Địa chỉ: 678 (số cũ 3218C) Âu Cơ, P.14, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh

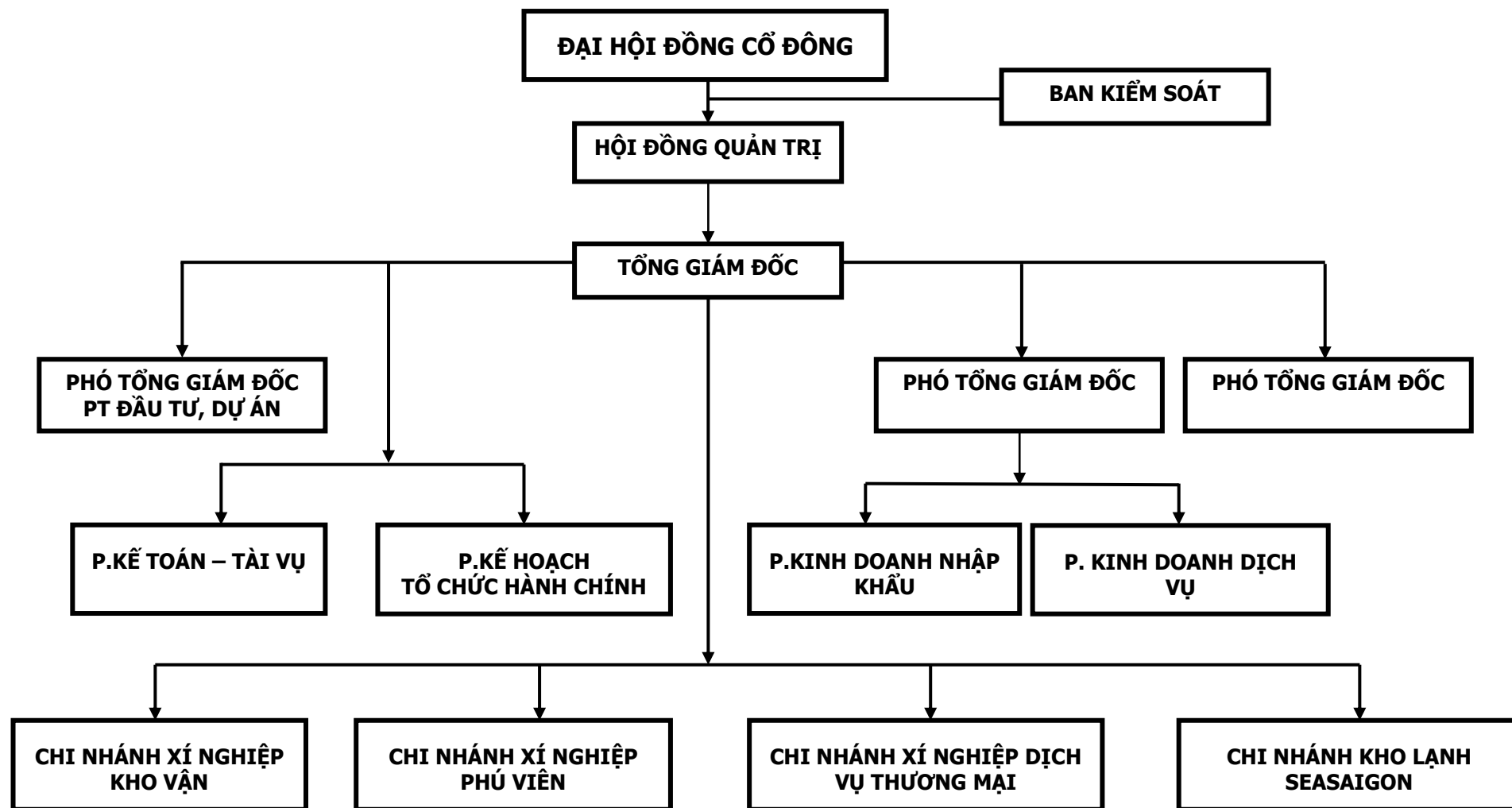
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty thể hiện qua biểu đồ sau:



Biểu đồ: Sơ đồ bộ máy quản lý của SeaproDEX Sài Gòn

(Xem trang sau)





Đại hội đồng cổ đông: gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty. ĐHĐCĐ có các quyền hạn sau:

- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, tăng giảm vốn điều lệ của công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình công ty, phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ.
- Phương án phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu và việc chuyển nhượng cổ phần của các thành viên sáng lập.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS.
- Quyết định các vấn đề về bán, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, tuyên bố phá sản, gia hạn hoạt động của công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Hội đồng quản trị: số thành viên HĐQT của công ty gồm 05 thành viên. HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của công ty, được bầu để quản lý mọi hoạt động của Công ty giữa hai kỳ ĐHĐCĐ, HĐQT có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục tiêu, chính sách, chiến lược và quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền hạn sau:

- Quản trị công ty theo điều lệ, theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ đúng pháp luật.
- Quyết định mục tiêu chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức, khen thưởng, mức lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, mức lương và các lợi ích khác của Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc công ty; trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.



- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập, hợp nhất, giải thể, sáp nhập các công ty con; thành lập, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, các đơn vị trực thuộc công ty.
- Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh, phân phối lợi nhuận và thành lập các quỹ trên cơ sở nguyên tắc đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban kiểm soát: BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ của BKS không quá 5 năm. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ, theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 10, Điều 17 của Điều lệ công ty.
- Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
- Báo cáo ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.
- Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.



Tổng Giám đốc: TGD công ty do HĐQT bổ nhiệm, nhiệm kỳ của TGD không quá 5 năm.

Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.
- Bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện sản xuất kinh doanh theo phương án đã được HĐQT phê duyệt và thông qua ĐHĐCĐ.
- Xây dựng và trình HĐQT các kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng tháng, quý, năm.
- Quyền và nhiệm vụ của TGD theo qui định tại Điều 116 Khoản 3 Luật doanh nghiệp.
- Quyết định các biện pháp tuyên truyền, quảng cáo tiếp thị, các biện pháp mở rộng sản xuất.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng hoặc kỷ luật các chức danh quản lý khác trong công ty trừ các chức danh do HĐQT bổ nhiệm.
- Ký kết và triển khai thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự, hợp đồng lao động theo luật định.
- Báo cáo trước HĐQT tình hình hoạt động, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của công ty

3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tính đến thời điểm 23/08/2013 như sau:

Bảng 1: Danh sách cổ đông của Seaprodex SaiGon nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV	5.858.500	58.585.000.000	61,03



2	Công ty Cổ phần Thanh Niên	706.495	7.064.950.000	7,36
3	Võ Thị Thủy	700.000	7.000.000.000	7,29
4	Nguyễn Thị Tuyết Sương	693.505	6.935.050.000	7,22
	Tổng cộng	7.958.500	79.585.000.000	82,90

Nguồn: Seaprodex SaiGon

3.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Căn cứ vào Giấy CNĐKKD số 4103005673 đăng ký lần đầu ngày 07/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp danh sách cổ đông sáng lập của công ty như sau:

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập của Seaprodex SaiGon

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Đại diện vốn Nhà nước: ▪ Phạm Văn Sơn ▪ Nguyễn Thị Thu Dung ▪ Đỗ Thị Hồng	5.858.500	58.585.000.000	61,03
2	Cao Thị Quế Anh	2.100.000	21.000.000.000	21,88
3	Trần Văn Hạnh	2.400	24.000.000	0,03
4	466 cổ đông khác	1.639.100	16.391.000.000	17,07
	Tổng cộng	9.600.000	96.000.000.000	100,00

Nguồn: Seaprodex SaiGon

Theo Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế về chuyển nhượng của các cổ đông sáng lập đã được bãi bỏ.

3.4. Cơ cấu cổ đông của công ty

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của công ty tính đến thời điểm 23/08/2013 như sau:

Stt	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
-----	---------	-------------------	------------------



I	Cổ đông trong nước	9.580.000	99,79
1	Tổ chức	6.564.995	68,39
2	Cá nhân	3.015.005	31,40
II	Cổ đông nước ngoài	20.000	0,21
1	Tổ chức	-	-
2	Cá nhân	20.000	0,21
	Tổng cộng	9.600.000	100

Nguồn: Seaprodex SaiGon

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch

4.1. Danh sách công ty mẹ của tổ chức đăng ký giao dịch

- Tên công ty: Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên.
- Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84-8) 38291924 Fax: (84-8) 38290146
- Ngành nghề kinh doanh chính: khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản xuất khẩu và nội địa; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản và thuốc thú y; nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm, trang thiết bị, phụ tùng máy móc, vật tư, nguyên nhiên liệu; vận tải hành khách, hàng hóa; khai thác kho bãi, cầu cảng; cơ khí đóng sửa tàu thuyền; thiết kế phương tiện thủy nội địa; kinh doanh khách sạn, du lịch; đầu tư tài chính; cung ứng lao động; kinh doanh bất động sản; dịch vụ hậu cần nghề cá góp phần bảo đảm quốc phòng an ninh trên biển và hải đảo.
- Vốn điều lệ: 839.030.527.000 đồng.
- Vốn góp tại tổ chức đăng ký giao dịch: 58.585.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 61,03%).

4.2. Danh sách những công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối,

những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch

Không có.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Hoạt động kinh doanh và sản phẩm/dịch vụ chính

Hiện nay, công ty có các hoạt động kinh doanh chính như sau:

Hoạt động Nhập khẩu:

- Công ty nhập khẩu vật tư, nguyên vật liệu như thép lá mạ nhôm – kẽm, thép lá mạ thiếc, thép inox, thép lá đen, tôn tráng kẽm, nhôm thỏi các loại, phôi thép, ống thép các loại, ngoài ra còn các nguyên liệu khác như các loại phụ tùng, hạt nhựa, hóa chất, phân bón, giấy làm bao bì... từ các thị trường như: Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Đài Loan, Mỹ, Singapore....
- Công ty là nhà phân phối chính thức của hãng Yanmar Nhật Bản hơn 20 năm qua về các mặt hàng: phụ tùng máy thủy, máy nông nghiệp, các loại thiết bị cơ khí.
- Tổng kim ngạch nhập khẩu của công ty qua các năm trung bình khoảng 21.446.823 USD. Tuy nhiên, tính đến thời điểm 6 tháng đầu năm 2013 tổng kim ngạch nhập khẩu chỉ đạt 4.280.660 USD, cho thấy tình hình kinh doanh ở lĩnh vực nhập khẩu đã sụt giảm đáng kể, do công ty giảm cả về mặt hàng và lượng nhập khẩu. Công ty chỉ nhập khẩu các mặt hàng như bạc séc măng Nhật từ Nhật Bản, phụ gia thực phẩm từ Trung Quốc, các loại phụ tùng từ Ấn Độ, Đài Loan, Nhật Bản, thép từ Đài Loan, Nhật Bản và xích cùng phụ tùng xích công nghiệp từ Nhật bản, Trung Quốc.
- Trước đây mặt hàng thép mang lại doanh thu rất lớn cho công ty, nhưng trong bối cảnh khủng hoảng nền kinh tế, thị trường bất động sản đóng băng, thép Trung Quốc ồ ạt nhập khẩu vào Việt Nam,... nguồn cung lớn mà cầu giảm dẫn đến một lượng hàng lớn thép tồn kho. Đó là nguyên nhân chính mà công ty đã hạn chế việc nhập khẩu các mặt hàng thép.

Hoạt động Xuất khẩu:

- Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của công ty hiện nay là các mặt hàng thủy hải sản và nông sản. Công ty có phân xưởng chế biến thuộc Chi nhánh Kho vận, chuyên chế biến thủy hải sản xuất khẩu và gia công hàng cho các đơn vị. Tuy nhiên, Chi nhánh Kho vận chỉ sản xuất được những hợp đồng xuất khẩu qui mô nhỏ, yêu cầu về chất lượng sản phẩm không cao, khi có những hợp đồng lớn, kiểm tra chất lượng sản phẩm chặt chẽ để xuất đi các thị trường lớn như Mỹ, EU... thì công ty chỉ đứng ra làm trung gian nhận phí hoa hồng giữa người mua hàng và đơn vị sản xuất.
- Năm 2010, công ty chỉ xuất khẩu các mặt hàng thủy hải sản nên tổng kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 708.245 USD. Trong đó, xuất khẩu mực vào thị trường Tây Ban Nha, xuất khẩu cá vào thị trường HongKong, Hàn Quốc, Singapore, New Zealand, xuất khẩu nghêu, sò, điệp, ốc vào HongKong, Hàn Quốc và xuất khẩu cua, ghẹ vào thị trường Hàn Quốc.
- Sang năm 2011, bên cạnh các mặt hàng thủy sản, công ty xuất khẩu thêm mặt hàng nông sản là cà phê sang Thụy Sĩ, Singapore và Tây Ban Nha giúp tổng kim ngạch xuất khẩu của công ty năm 2011 đạt 2.436.526 USD tăng lên 224% so với năm 2010. Năm 2012, tuy vẫn xuất khẩu cà phê sang Thụy Sĩ nhưng công ty chỉ còn xuất khẩu ba mặt hàng thủy hải sản đông lạnh là cá thu fillet, ốc đỉnh và tôm sấu PD sang thị trường HongKong và Hàn Quốc nên tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 1.602.510 USD giảm 32,23% so với năm 2011.





Kinh doanh nội thương (vật tư, hàng hóa):

Hoạt động kinh doanh nội thương của công ty gắn liền với hoạt động nhập khẩu. Kết hợp việc nhập khẩu theo yêu cầu của các hợp đồng, công ty đồng thời phân phối các mặt hàng nhập khẩu cho các công ty thân tín khác trên thị trường như một hình thức tự doanh mang lại lợi nhuận đáng kể cho công ty. Ngoài ra, Seaprodex SaiGon còn thực hiện mua đi bán lại giữa các công ty trong nước nhiều chủng loại mặt hàng như hạt nhựa, giấy, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật...

Hoạt động kinh doanh dịch vụ:

- Dịch vụ tại Chi nhánh Xí nghiệp Kho vận:
 - Địa chỉ: 678 Âu Cơ, P.14, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh.
 - Diện tích đất: 22.379 m².
 - Mục đích sử dụng: Cho thuê kho bãi, kho lạnh.
 - Địa chỉ: 665 – 667 Lò Gò, P.9, Q.6, Tp.Hồ Chí Minh.
 - Diện tích đất: 2.406,7 m².
 - Mục đích sử dụng: Cho thuê làm kho chứa hàng.
 - Địa chỉ: 338A Trần Văn Kiêu, P.7, Q.6, Tp.Hồ Chí Minh.
 - Diện tích đất: 853,3 m².
 - Mục đích sử dụng: Cho thuê làm kho chứa hàng.
- Dịch vụ tại Chi nhánh Xí nghiệp Kho lạnh Sea Sài Gòn:
 - Địa chỉ: Lô E, đường 12, KCN Sóng Thần II, Bình Dương.
 - Diện tích đất: 8.804 m².
 - Mục đích sử dụng: Kinh doanh dịch vụ kho lạnh.
- Dịch vụ tại chi nhánh Xí nghiệp Phú Viên:
 - Địa chỉ: Tổ 2, P.Bồ Đề, Q.Long Biên, Hà Nội.
 - Diện tích: 2.300 m².
 - Mục đích sử dụng: Trụ sở văn phòng Chi nhánh và cho thuê mặt bằng.

Bên cạnh dịch vụ cho thuê kho bãi, kho lạnh thì công ty đang mở rộng sang lĩnh vực bất động sản, triển khai thực hiện các dự án đầu tư cụ thể như sau:

- Dự án khu phức hợp Tân Bình: Dự án được thực hiện bởi sự hợp tác giữa Chi nhánh Xí nghiệp Kho vận và Tập đoàn Tây Hồ. Mục đích sử dụng làm chung cư và trung tâm thương mại, vốn dự kiến 1.300 tỷ đồng. Tuy nhiên, trước tình hình suy thoái kéo dài của thị trường bất động sản nên tiến độ và mức lợi nhuận của dự án bị điều chỉnh.
- Tại khu đất 665 – 667 Lò Gốm, Q.6, Tp.Hồ Chí Minh và 338/1A Trần Văn Kiêu, Q.6, Tp.Hồ Chí Minh tuy đang hoạt động cho thuê kho nhưng đồng thời chờ triển khai dự án, tìm đối tác thực hiện đầu tư phù hợp với chủ trương hợp khối với các đơn vị liên kề của UBND Quận 6.
- Tại địa chỉ 200 Điện Biên Phủ, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh: chưa triển khai được do một số khó khăn về thủ tục, trong năm vừa qua không cho thuê được nên ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Hoạt động sản xuất chế biến thủy sản:

- Phân xưởng chế biến của công ty hiện nay đặt tại Chi nhánh Kho vận, phân xưởng có dây chuyền sản xuất lạc hậu, chỉ sản xuất những sản phẩm có yêu cầu chất lượng thấp, xuất khẩu ở thị trường dễ tính như Hàn Quốc, bên cạnh đó phân xưởng nhận gia công hàng cho các đơn vị khác.
- Phân xưởng bao gồm kho vật tư, nhà xưởng kho lạnh, nhà xưởng chế biến, xưởng chế biến, nhà xử lý mùi nước và khí thải, nhà kho... hầu như các tài sản tại xí nghiệp đều đã được khấu hao gần hết cần được đầu tư để có thể tiếp tục phát triển sản xuất. Hiện tại, xí nghiệp có khoảng 31 công nhân chế biến.

5.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu xuất khẩu, nhập khẩu qua các năm

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2011	Tỷ trọng (%)	Năm 2012	Tỷ trọng (%)
1	Xuất khẩu	USD	2.704.526	9,88	1.602.503	8,05
2	Nhập khẩu	USD	24.661.566	90,12	18.294.052	91,95
	Tổng cộng	USD	27.366.092	100	19.896.555	100

Nguồn: Seaprodex SaiGon

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu các sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2011	Tỷ trọng (%)	Năm 2012	Tỷ trọng (%)
1	Kinh doanh nội thương	Đồng	147.642.570.000	83,00	174.740.109.000	80,39
2	Kinh doanh dịch vụ	Đồng	26.500.385.000	14,90	35.336.738.000	16,26
3	Sản xuất chế biến thủy sản	Đồng	3.727.538.000	2,10	7.283.843.000	3,35
	Tổng cộng	Đồng	177.870.493.000	100	217.360.690.000	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012

- Doanh số từ hoạt động xuất nhập khẩu của công ty qua các năm 2010 đến 2012 tương đối lớn. Năm 2012, tình hình xuất khẩu giảm sút do tình hình kinh tế thế giới khó khăn, công ty chưa thâm nhập được vào các thị trường Mỹ, EU, Đông Âu. Lĩnh vực nhập khẩu vẫn đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động kinh doanh của công ty là cơ sở thúc đẩy lĩnh vực kinh doanh nội thương phát triển và mang lại nguồn doanh thu lớn cho công ty.
- Doanh thu từ lĩnh vực kinh doanh dịch vụ sụt giảm mạnh do nhu cầu thuê kho lạnh giảm và công ty chịu sự cạnh tranh gay gắt về giá dịch vụ. Bên cạnh đó, dịch vụ kho bãi tuy hoạt động tốt do nhu cầu khách hàng cần thuê kho bãi trong nội ô thành phố cao nhưng diện tích cho thuê kho bãi của công ty còn nhỏ, chưa mở rộng thêm.
- Lĩnh vực sản xuất chế biến thủy sản của công ty tuy chỉ đóng góp tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu doanh thu nhưng có sự tăng trưởng đều qua từng năm, cho thấy công ty đang ngày càng chú trọng đến phát triển sản xuất nhằm mục đích đẩy mạnh lĩnh vực xuất khẩu, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng bền vững.

5.3. Chi phí

Để giảm bớt chi phí và tăng cường hiệu quả cho công ty, ban lãnh đạo công ty đã thường xuyên kiểm soát các chi phí và yêu cầu các phòng ban thực thi các phương pháp tiết kiệm điện, nước, điện thoại, xăng dầu, v.v...

Bảng 6: Chi phí qua các năm

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	6 tháng đầu năm 2013
-----	----------	----------	----------	----------------------

		Giá trị	% so với tổng doanh thu	Giá trị	% so với doanh thu	Giá trị	% so với tổng doanh thu
1	Giá vốn hàng bán	732.251.424.079	91,82	648.509.803.279	95,25	138.522.666.629	93,17
2	Chi phí tài chính	28.067.258.297	3,52	25.756.715.496	3,78	5.865.653.944	3,95
3	Chi phí bán hàng	324.768.816	0,04	706.959.978	0,10	325.319.575	0,22
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.378.756.356	1,93	30.899.786.361	4,54	5.696.329.931	3,83
5	Chi phí khác	196.386.264	0,02	294.252.552	0,04	102.241.349	0,07
	Tổng cộng	776.218.593.812	97,33	706.167.517.666	103,72	150.512.211.428	101,24

Nguồn: Seaprodux SaiGon

- Do đặc thù hoạt động kinh doanh của công ty là xuất nhập khẩu hàng hóa nên chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu chi phí của công ty. Từ năm 2011 do tình hình kinh tế khó khăn, công ty thu hẹp quy mô của hoạt động xuất nhập khẩu nên chi phí giá vốn hàng bán năm 2012 giảm 11,44% so với năm 2011.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2012 tăng đột biến 100,52% so với năm 2011 do công ty trích lập dự phòng cho các khoản nợ khó đòi. Chi phí tài chính cũng chiếm tỷ lệ đáng kể do chi phí lãi vay của công ty cao. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu chi phí công ty.

5.4. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Trong những năm qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vẫn theo phương thức cũ, hiện chưa có chiến lược đầu tư phát triển sản phẩm mới.

5.5. Hoạt động Marketing

Hoạt động kinh doanh của công ty chủ yếu dựa vào mối quan hệ đã có trong thời gian dài, do đó, công ty không chú trọng đến hoạt động marketing.

5.6. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Hiện công ty không có nhân hiệu thương mại, không đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.
- Công ty đang sử dụng logo của công ty mẹ là Tổng công ty Thủy sản Việt Nam.

Logo công ty:



5.7. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 7: Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Stt	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (USD)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
1	60/NK-2012	796.609	2012	Thép lá đen cuộn	Công ty Cổ phần Địa ốc Ngọc Biển
2	102/NK-2012	1.951.276,25	2012	Thép lá đen cuộn	Công ty Cổ phần Địa ốc Ngọc Biển
3	13/NK-2013	2.064.912,58	2013	Thép lá đen cuộn	Công ty Cổ phần Địa ốc Ngọc Biển
4	13A/NK-2013	2.024.368,50	2013	Thép lá đen cuộn	Công ty Cổ phần Địa ốc Ngọc Biển

Nguồn: Seaprodex SaiGon

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2011, năm 2012 và 6 tháng năm 2013

Bảng 8: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm 2012 so 2011	6 tháng đầu năm 2013
-----	----------	----------	----------	--------------------------	----------------------



1	Tổng giá trị tài sản	355.900.976.208	309.515.148.141	-13,03%	288.852.974.826
2	Doanh thu thuần	768.798.060.313	679.763.903.671	-11,58%	148.505.826.946
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.905.278.071)	(24.440.998.435)	-1182,80%	(1.421.919.534)
4	Lợi nhuận khác	28.529.854.017	812.365.640	-97,15%	65.853.889
5	Lợi nhuận trước thuế	26.624.575.946	(23.628.632.795)	-188,75%	(1.356.065.645)
6	Lợi nhuận sau thuế	25.684.111.082	(23.628.632.795)	-192%	(1.356.065.645)
7	Tỷ lệ cổ tức (%)	-	-		-

Nguồn: BCKT năm 2011, năm 2012 và BCTC 6 tháng năm 2013 của Seaprodex SaiGon

▪ **Ý kiến kiểm toán tại BCTC kiểm toán năm 2012**

Vào thời điểm 31/12/2012, chúng tôi không được tham dự nhằm chứng kiến việc tiến hành kiểm kê thực tế quỹ tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho của Quý công ty vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm là Kiểm toán viên của Quý công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được sự đầy đủ của các tài sản này bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ **Thuận lợi:**

- Trong năm 2012 Sea SaiGon đã từng bước kiện toàn bộ máy tổ chức Công ty theo hướng tinh gọn hơn, hiệu quả hơn.
- Những người đại diện phần vốn thường xuyên được sự quan tâm chỉ đạo của chủ sở hữu.
- Trước sự khó khăn chung của nền kinh tế, tập thể Cán bộ - Công nhân viên đoàn kết nhất trí quyết tâm vượt qua khó khăn.
- Công ty có uy tín với nhiều đối tác trong nước và nước ngoài.

❖ **Khó khăn:**

Nền kinh tế Việt Nam năm 2012 tiếp tục chịu sự ảnh hưởng bởi những bất ổn của kinh tế thế giới do khủng hoảng tài chính và nợ công ở châu Âu chưa được giải quyết. Hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu diễn biến thất thường, sức mua giảm mạnh làm thị trường tiêu



thụ hàng hóa bị tác động mạnh. Thị trường chứng khoán và bất động sản âm ảm, lãi suất ngân hàng cao. Nhiều doanh nghiệp, nhất là những doanh nghiệp vừa và nhỏ phải thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoặc giải thể.

Trước những bối cảnh bất lợi của nền kinh tế, cùng với những khó khăn vẫn chưa giải quyết dứt điểm, công ty lại chủ yếu kinh doanh thương mại thuần túy, đầu vào và đầu ra không ổn định. Do vậy, đã tác động mạnh mẽ đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2012. Hoạt động của công ty trong **quý 1/2012** gần như ngưng trệ do thị trường hoạt động cầm chừng. Nhu cầu cho sản xuất về nguyên vật liệu như sắt, thép, hạt nhựa, phụ tùng, giấy... phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chậm tiến độ, đó là những mặt hàng kinh doanh chủ lực tại văn phòng công ty. Tổng quan, hầu hết các chỉ tiêu hoạt động trong năm 2012 của công ty không hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

Năm 2012 là một năm kinh doanh không thực sự thành công cho công ty, với tổng doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ khoảng 679,8 tỷ đồng, giảm 11,58% so với cùng kỳ năm 2011. Hơn nữa, việc công ty phải trích lập dự phòng một số khoản công nợ khó đòi lên hơn 21,4 tỷ đồng khiến cho năm 2012 công ty bị lỗ hơn 23,63 tỷ đồng. Mặc dù, Ban điều hành công ty đã hạn chế tối đa khó khăn và tranh thủ tận dụng các lợi thế về kinh doanh mặt hàng chiến lược như thép, vật tư, hạt nhựa, nhưng doanh số thực hiện chỉ hoàn thành 63,30% kế hoạch đã đề ra, đạt 19,9 tỷ đồng.

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của công ty không mang lại lợi nhuận cho công ty, bên cạnh đó do tình hình kinh tế khó khăn dự án công ty đầu tư chưa được triển khai.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn là một doanh nghiệp có uy tín với nhiều bạn hàng trong nước và thế giới.

- Trong gần 21 năm qua, công ty đã phấn đấu không ngừng để tồn tại, ổn định và phát triển. Qua mỗi giai đoạn, công ty dần khẳng định vị thế của mình trong ngành cũng như sự tín nhiệm của các khách hàng.

- Công ty có bề dày kinh nghiệm về lĩnh vực mua bán vật tư ngành thủy sản, thủy hải sản, sắt, thép, phụ tùng máy thủy, hạt nhựa, giấy... đây là những lĩnh vực kinh doanh đóng góp chủ yếu vào doanh thu hàng năm cho công ty.
- Bên cạnh đó, công ty còn phát triển hoạt động kinh doanh dịch vụ, chủ yếu là hoạt động dịch vụ cho thuê kho bãi và kho lạnh. Thế mạnh của công ty là có diện tích cho thuê kho bãi nằm trong nội ô thành phố, nơi có nhu cầu khách hàng cần thuê kho bãi cho hoạt động phân phối, trung chuyển hàng hóa cao.
- Seaprodex SaiGon hiện đang nỗ lực tích cực tìm kiếm khách hàng, kết hợp các chính sách kinh doanh linh động theo diễn biến của nền kinh tế thị trường, tập trung phát triển các sản phẩm chiến lược. Cùng với đó là đội ngũ BTGD năng động tận tình, cam kết trong thời gian tới thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ năng lực của các cán bộ quản lý cũng như hoạt động kinh doanh của công ty sao cho phù hợp với cơ chế thị trường, hứa hẹn một tương lai phát triển xa hơn nữa cho doanh nghiệp.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

➤ Ngành thủy sản:

Thuận lợi:

- Ngành thủy sản nhận được nhiều sự quan tâm, hỗ trợ của Nhà nước. Chính phủ và các cơ quan chức năng luôn nỗ lực, dành các ưu tiên về vốn, hỗ trợ cho ngành thủy sản về thuế, chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm và thường xuyên ngồi lại với doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn.
- Hiện Chính phủ đã có quyết định cụ thể cho mục tiêu phát triển dài hạn của ngành thông qua Quyết định số 332/QĐ-TTg. Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) là tổ chức luôn theo sát, hỗ trợ cho hoạt động của ngành. Với sự quan tâm, theo dõi sát sao của VASEP và các tổ chức ban ngành liên quan là những động lực tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của ngành thủy sản trong tương lai.
- Sản phẩm thủy sản của Việt Nam có mặt ở 156 quốc gia, chính vì thế uy tín, thương hiệu của ngành cũng đã được định hình ở nhiều thị trường trên thế giới.
- Với đặc trưng của ngành về xuất khẩu, hoạt động trong môi trường cạnh tranh khốc liệt không chỉ với các nhà xuất khẩu trong mà cả ngoài nước, phải đối mặt với nhiều trở ngại,

tỷ giá hối đoái luôn biến động thất thường, các quy định kiểm tra khắt khe về vệ sinh an toàn thực phẩm ở các thị trường. Nên hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn, đều rất linh hoạt năng động và thích nghi tốt để có thể tồn tại và phát triển bền vững.

Tiềm năng:

- Hoạt động của ngành thủy sản toàn cầu ngày càng tăng trưởng cả về qui mô sản lượng và khả năng tiêu thụ. Sản lượng thủy sản thế giới đang tăng đều qua từng năm với mức tăng bình quân giai đoạn 2006-2011 là 2,3%.
- Mặc dù hai tháng đầu năm 2013, tình hình xuất khẩu thủy sản ở nước ta gặp khá nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với sự nỗ lực không ngừng của ngành nhằm vượt qua thời kỳ khó khăn thì theo thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản sáu tháng đầu năm của cả nước đạt 2,89 tỷ USD, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Nhu cầu thủy sản làm thực phẩm cho con người đang tăng dần qua các năm với mức tăng bình quân giai đoạn 2006-2011 là 2,7%. Ngoài ra nhu cầu thủy sản trên đầu người cũng đang tăng dần với mức tăng bình quân giai đoạn 2006-2011 là 1,6%. Có thể thấy, trong giai đoạn 2006-2011, mức tăng nhu cầu thủy sản làm thực phẩm cho con người 2,7% cao hơn mức tăng bình quân của tổng sản lượng thủy sản toàn cầu là 2,3%.
- Với vai trò là nguồn thực phẩm có vai trò quan trọng trong bữa ăn của bất kỳ gia đình nào trên thế giới nhu cầu tiêu thụ thủy sản toàn cầu được dự báo tiếp tục tăng trong dài hạn. Theo FAO, đến năm 2015 nhu cầu tiêu thụ thủy sản sẽ đạt 165 triệu MT (tăng bình quân 2,1%/năm), tiêu thụ thủy sản trên đầu người sẽ đạt 14,3kg (mức hiện tại khoảng 14kg, tăng khoảng 0,8%/năm), tạo ra nhiều cơ hội gia tăng giá trị xuất khẩu cho thủy sản Việt Nam. Với dự kiến dân số toàn cầu sẽ tiếp tục tăng cùng với mức tiêu thụ thủy sản bình quân sẽ tăng dần, nhiều khả năng tổng nguồn cung thủy sản trong tương lai sẽ không đáp ứng đủ so với tổng nhu cầu.

➤ **Ngành thép:**

- Theo Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), khủng hoảng hiện nay khiến các doanh nghiệp thép lâm vào tình trạng khó khăn, nhưng đây cũng là cơ hội để sàng lọc, buộc ngành thép phải cấu trúc lại. Những doanh nghiệp không đủ khả năng phải bị loại ra khỏi ngành thép. Những nhà máy lạc hậu, quy mô nhỏ sẽ bị đào thải, hoặc các doanh nghiệp sẽ phải liên kết

với nhau, tạo dựng thành những thương hiệu mạnh, chuyển hướng đầu tư sản xuất các chủng loại thép trong nước chưa sản xuất được.

- Bên cạnh đó, VSA cũng đề xuất phải kiểm soát thép nhập khẩu kém chất lượng, và đã kiến nghị Bộ Công Thương sớm ban hành quy trình xin cấp chứng chỉ nhập khẩu thép vào Việt Nam. Trước đó, hồi tháng 8 năm nay, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư 23/2012/TT-BCT quy định việc áp dụng chế độ cấp phép nhập khẩu tự động đối với một số sản phẩm thép. Tuy nhiên, thời gian cấp phép chỉ từ 5 – 7 ngày. Trong khi đó, theo VSA, các nước lân cận như Thái Lan, Malaysia và Indonesia đã áp dụng những biện pháp phi thuế quan phức tạp, kéo dài hơn rất nhiều nhằm làm nản lòng các nhà nhập khẩu thép vào các nước này. Chẳng hạn như quy trình cấp chứng chỉ nhập khẩu thép vào Thái Lan phải qua 14 khâu và mất từ 40 – 50 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian kiểm tra mẫu), còn nhập vào Malaysia và Indonesia cũng phải qua hơn 17 khâu trong thời gian 41 ngày, lâu nhất là công đoạn lấy mẫu kiểm tra chất lượng (mất 20 ngày), rồi cấp chứng chỉ kiểm định chất lượng trước khi cấp phép nhập khẩu.
- VSA cũng đã đề ra một số giải pháp cụ thể giúp khắc phục tình trạng hiện nay của ngành thép:
 - Chính phủ cần giảm thuế VAT từ 10% còn 5% cho thép xây dựng để kích cầu, tránh phá sản hàng loạt.
 - Siết chặt hoạt động tại các cửa khẩu để ngăn chặn tình trạng thép nhập khẩu tràn lan, xem xét nâng thuế nhập khẩu thép, hoặc dùng các biện pháp phi thuế quan để kiểm soát nhập khẩu những sản phẩm trong nước đã sản xuất được.
 - Các doanh nghiệp cần liên kết, phối hợp tốt trong công tác thị trường để chia sẻ thị phần bán hàng hợp lý, tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới nhằm giảm áp lực trong nước hoặc phối hợp cùng nhà nước tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại ở các nước trong khu vực.
 - Đầu ra của thép xây dựng chính là các công trình. Do đó cần hâm nóng thị trường bất động sản để tăng thị trường tiêu thụ thép.
 - Trong những tháng cuối năm nay, Chính phủ đã đưa ra một số giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh và hỗ trợ thị trường bất động sản. Vì vậy, Bộ Công

Thương dự báo thị trường thép trong thời gian tới sẽ khả quan hơn do nhu cầu xây dựng dần tăng trở lại.

7.3. Đánh giá về sự phù hợp của định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

- Định hướng hoạt động của công ty trong thời gian tới là sẽ tăng cường đội ngũ cán bộ nhất là cán bộ kinh doanh có đủ năng lực, tâm huyết và thích ứng với cơ chế cạnh tranh của thị trường hiện nay nhằm nâng cao hoạt động xuất - nhập khẩu, đẩy mạnh khai thác thị trường châu Á, nhất là Hàn Quốc và Trung Quốc, đảm bảo an toàn về thanh toán.
- Bên cạnh đó, tăng cường công tác tiếp thị, củng cố và bổ sung nhân sự mảng dịch vụ cho thuê kho lạnh, đặc biệt tại kho lạnh Seaprodex SaiGon nhằm nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ. Seaprodex SaiGon cũng tập trung xác định các mặt hàng kinh doanh chiến lược để phát triển công ty theo hướng bền vững đó là mặt hàng sắt, thép, phụ tùng máy thủy, hạt nhựa, giấy... Đồng thời, công ty hiện cũng đang xây dựng các chiến lược dài hạn, đẩy mạnh triển khai thực hiện các dự án đầu tư và chuẩn bị khai thác có hiệu quả các dự án.
- Định hướng này hoàn toàn phù hợp với định hướng chiến lược phát triển chung của ngành. Với định hướng như trên, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn tin tưởng sẽ đạt được các mục tiêu đề ra, tiếp tục tăng trưởng cao hơn trong thời gian tới.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của công ty tại thời điểm 01/07/2013 là 169 người, với cơ cấu phân theo trình độ chuyên môn và thời hạn hợp đồng lao động được thể hiện như sau:

Bảng 9: Cơ cấu lao động của Seaprodex SaiGon tại thời điểm 01/07/2013

Stt	Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo giới tính	169	100
1	Nam	111	65,68
2	Nữ	58	34,32
II	Phân theo trình độ chuyên môn	169	100



1	Đại học và Trên đại học	52	30,77
2	Cao đẳng	3	1,78
3	Trung cấp	6	3,55
4	Lao động phổ thông	108	63,90
III	Phân theo thời hạn hợp đồng lao động	169	100
1	Không xác định thời hạn	134	79,29
2	Có xác định thời hạn từ 01 – 03 năm	23	13,61
3	Ngắn hạn dưới 01 năm	8	4,73
4	Đang thử việc	4	6,31

Nguồn: Seaprodex SaiGon

8.2. Các chính sách đối với người lao động

9.2.1. Chính sách tiền lương

Công ty trả lương cho người lao động căn cứ theo hợp đồng lao động giao kết giữa người lao động và người sử dụng lao động.

- Đối với văn phòng công ty và các chi nhánh trực thuộc: trả lương theo quy chế được hội đồng lương công ty thông qua và Tổng Giám Đốc ký ban hành.
- Đối với người lao động được giao kết hợp đồng là người đang hưởng lương hưu hàng tháng và người làm việc dưới 3 tháng, thì ngoài phần tiền lương theo công việc người lao động còn được người sử dụng lao động thanh toán thêm khoản tiền 22% so với tiền lương theo hợp đồng lao động cho BHXH, BHYT và ngày nghỉ hàng năm (tỷ lệ này sẽ thay đổi theo quy định của Nhà nước. Tiền lương thực tế không thấp hơn tiền lương tối thiểu theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Tiền lương được trả trong tháng chia làm 02 kỳ: ngày 15 và 30 hàng tháng hoặc ngày 20 và ngày 05 tháng sau.
- Tiền lương làm thêm giờ được công ty chi trả như sau:
 - Làm vào ngày thường, ít nhất bằng 150% tiền lương giờ của ngày làm việc bình thường.



- Làm vào ngày nghỉ hàng tuần, ít nhất bằng 200% tiền lương giờ của ngày làm việc bình thường.
- Làm vào ngày lễ, tết, ít nhất bằng 300% tiền lương giờ của ngày làm việc bình thường.
- Thu nhập bình quân năm 2012 của CBCNV công ty là 6.773.000 đồng/người/tháng.

9.2.2. Chính sách tiền thưởng

- Hàng năm, căn cứ hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, Ban lãnh đạo và Ban chấp hành Công đoàn bàn bạc thống nhất mức thưởng cho người lao động và các dịp lễ, tết: Tết Dương lịch, Ngày Giỗ tổ Hùng Vương, Lễ 30/4 và 1/5, Lễ Quốc khánh 2/9, Ngày thành lập công ty, Tết Âm lịch. Mức thưởng tối thiểu như sau:
 - Tết Âm lịch: 01 tháng lương thực lãnh bình quân/người.
 - Tổng cộng tiền thưởng cho các ngày lễ còn lại: 01 tháng lương thực lãnh bình quân/người.
- Ngoài các khoản thưởng nêu trên công ty xây dựng quy chế khen thưởng để áp dụng cho các hình thức: thưởng đột xuất cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh; thưởng năng suất – chất lượng; thưởng tiết kiệm nguyên vật liệu...

9.2.3. Chính sách phúc lợi

- Các trường hợp nghỉ chế độ bảo hiểm xã hội (ốm đau thai sản, nghỉ dưỡng sức..) công ty đều thanh toán 100% lương cơ bản.
- Lao động nữ sau khi sinh được công ty trợ cấp 1 tháng lương tối thiểu chung của nhà nước (ngoài trợ cấp bảo hiểm xã hội).
- Ngoài ra, còn các khoản phúc lợi khác theo thỏa ước lao động.

9. Chính sách cổ tức

Những năm vừa qua tình hình sản xuất kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn, kết quả sản xuất kinh doanh không đảm bảo việc trả cổ tức nên công ty không tiến hành chi trả cổ tức cho cổ đông.

10. Tình hình tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Chi phí khấu hao của công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính như sau:

- TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá TSCĐ bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty bỏ ra để có được TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá theo thời gian hữu dụng ước tính, tỷ lệ khấu hao hàng năm được áp dụng phù hợp với Quyết định số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính:

Bảng 10: Thời gian khấu hao ước tính của TSCĐ

Stt	Loại tài sản	Thời gian khấu hao ước tính (năm)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 36
2	Máy móc, thiết bị	10 – 12
3	Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 – 10
4	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 06

Nguồn: Seaprodex SaiGon

11.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ đến hạn.

11.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định



Công ty thực hiện đầy đủ và đúng hạn các khoản phải nộp theo luật định về thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế nhà đất và tiền thu thuê đất...

11.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ của công ty các năm 2010, 2011 và 2012 như sau:

Bảng 11: Số dư các quỹ năm 2011, 2012 và 6 tháng 2013

Đơn vị tính: đồng

Stt	Các quỹ	31/12/2011	31/12/2013	6 tháng 2013
1	Quỹ đầu tư phát triển	331.480.073	465.732.120	465.732.120
2	Quỹ dự phòng tài chính	331.480.073	465.732.120	465.732.120
3	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(134.788.500)
4	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	(266.464.307)	(21.156.119)	(21.156.119)
	Tổng cộng	396.495.839	910.308.121	775.519.621

Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC 6 tháng năm 2013 của Seaprodex SaiGon

11.1.5. Tổng dư nợ vay

Căn cứ theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012 và 6 tháng đầu năm 2013, tình hình nợ vay của công ty như sau:

Bảng 12: Chi tiết các khoản vay nợ ngắn hạn và dài hạn

Stt	Chi tiết	31/12/2012	30/06/2013
	Vay và nợ ngắn hạn	211.088.077.914	122.297.368.774
1	Ngân hàng TMCP Vietcombank – CN Tp.Hồ Chí Minh	160.188.152.266	70.540.953.991
	Ngân hàng TMCP Phương Nam – CN Sài Gòn	50.899.925.648	51.756.414.783



2	Vay và nợ dài hạn	281.301.475	281.301.475
	<i>Quỹ hỗ trợ phát triển – CN Hà Nội</i>	<i>281.301.475</i>	<i>281.301.475</i>
3	Nợ dài hạn đến hạn trả	9.074.472.159	4.556.793.589
	<i>Ngân hàng TMCP Phương Nam – CN Sài Gòn</i>	<i>9.074.472.159</i>	<i>4.556.793.589</i>

Nguồn: BCKT năm 2012 và BCTC 6 tháng năm 2013 của Seaprodex SaiGon

11.1.6. Tình hình công nợ hiện nay

Căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2010, 2011 và 2012, tình hình công nợ của công ty trong thời gian vừa qua như sau:

- **Các khoản phải thu ngắn và dài hạn:**

Bảng 13: Các khoản phải thu ngắn và dài hạn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/6/2013
1	Phải thu khách hàng ngắn hạn	152.116,11	111.143,73	108.010,30
2	Phải thu khách hàng dài hạn	21.172,21	69.272,36	56.881,28
3	Trả trước cho người bán	51.670,49	40.556,90	40.425,83
4	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	128,82	5.297,61	5.349,12
5	Các khoản phải thu dài hạn khác	677,46	487,10	477,49
6	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.533,06)	(15.052,68)	(14.952,23)
7	Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	(20.066,57)	(26.299,27)	(26.399,72)
	Tổng cộng	185.405,74	201.165,46	169.792,07

Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC 6 tháng năm 2013 của Seaprodex SaiGon



Các khoản phải thu của SeaproDEX SaiGon chủ yếu từ các công ty như Công ty TNHH Tân Đình Phong, Công ty TNHH Hoàng Đạo, Công ty TNHH Vinafood. SeaproDEX SaiGon đã tiến hành khởi kiện các công ty trên, đồng thời tiến hành mua bán nợ và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn.

Đến thời điểm hiện nay công ty vẫn đang tiến hành đàm phán với các tổ chức **và chưa có kết quả về việc thu hồi các khoản phải thu trên.**

▪ **Các khoản phải trả:**

Bảng 14: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
I	Nợ ngắn hạn	246.505,33	235.128,48	216.598,64
1	Vay và nợ ngắn hạn	221.800,74	220.162,55	126.854,16
2	Phải trả cho người bán	9.645,46	4.166,18	78.655,38
3	Người mua trả tiền trước	5.988,06	2.676,00	2.401,98
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	5.762,22	1.104,15	1.267,31
5	Phải trả công nhân viên	460,60	861,57	769,69
6	Chi phí phải trả	955,56	1.052,28	919,24
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.159,15	5.126,89	5.752,03
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	(266,46)	(21,16)	(21,16)
II	Nợ dài hạn	9.513,61	281,30	281,30
1	Phải trả dài hạn người bán	31,36		
2	Vay và nợ dài hạn	9.364,89	281,30	281,30



3	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	117,36		
Tổng cộng		256.018,94	235.409,78	216.879,94

Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC 6 tháng năm 2013 của Seaprodex SaiGon

▪ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Bảng 15: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/06/2013
1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (*)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
2	Đầu tư dài hạn khác(**)	5.167.249.080	5.167.249.090	5.167.249.090
3	Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn(**)	(4.215.040.250)	(4.241.548.000)	(4.241.548.000)
Tổng cộng		30.952.208.830	30.925.701.080	30.925.701.080

Nguồn: BCKT năm 2011, 2012 và BCTC 6 tháng năm 2013 của Seaprodex SaiGon

(*) Khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Bất động sản Hồng Lạc (vốn điều lệ 100 tỷ, là pháp nhân mới được thành lập chủ yếu bởi Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Tây Hồ, nhằm thực hiện kinh doanh dự án: Khu phức hợp Tân Bình” tại địa chỉ 678 Âu Cơ, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh) . Theo hợp đồng liên doanh được ký giữa công ty và Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Tây Hồ.

(**) Đầu tư dài hạn khác và dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm:

Bảng 16: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng (CP)	Đơn giá (Đồng/CP)	Trị giá đầu tư (Đồng)	Dự phòng giảm giá (Đồng)
1	Cổ phiếu CTCP XNK Thủy sản Năm Căn	32.082	10.000	320.829.080	-



2	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Nam	87.480	50.828	4.446.420.000	(3.886.548.000)
3	Cổ phiếu CTCP TM Vàng bạc đá quý Phương Nam	10.000	40.000	400.000.000	(355.000.000)
	Tổng cộng			5.167.249.080	(4.241.548.000)

Nguồn: BCKT năm 2012 và BCTC 6 tháng năm 2013 của SeaproDEX Sài Gòn

Đối với khoản đầu tư cổ phiếu CTCP XNK Thủy sản Năm Căn do công ty chưa thể thu thập được giá trị hợp lý của cổ phiếu này trên thị trường, nên công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đối với cổ phiếu này.

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 17: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2011 và 2012

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,95	0,76
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,79	0,65
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	71,94	76,06
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	256,32	317,67
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	lần/năm	25,08	20,15
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	%	242,78	204,31
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (*)			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,34	-
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	25,71	-



Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	7,22	-
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần(**)	%	-	-
5. Chỉ tiêu liên quan tới cổ phần¹			
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	2.675	-
+ Giá trị sổ sách trên cổ phần	đồng	10.404	7.719

Nguồn: BCKT năm 2011 và 2012 của Seaprodex SaiGon

(*) Lợi nhuận sau thuế năm 2012 của công ty âm nên không tính các chỉ tiêu sinh lời năm 2012.

(**) Lợi nhuận từ HĐKD năm 2011, 2012 của công ty âm nên không tính chỉ tiêu này

11. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát

11.1. Hội đồng quản trị

Bảng 18: Danh sách thành viên HĐQT của Seaprodex SaiGon

Stt	Họ và Tên	Chức vụ
1	Bùi Thị Phương Thảo	Chủ tịch
2	Huỳnh Quang Thanh	Phó Chủ tịch
3	Nguyễn Văn Liêm	Thành viên
4	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
5	Mai Xuân Phong	Thành viên

Nguồn: Seaprodex SaiGon

12.1.1. Họ và tên:

Bùi Thị Phương Thảo



- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 28/03/1963
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 021054116 cấp ngày 24/01/2000 tại CA Tp.Hồ Chí Minh
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 99 Nguyễn Duy Dương, P.9, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc: 0913926550
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài chính – Kế toán
- Quá trình công tác:
 - 03/1987 – 06/1987: Nhân viên phòng tài chính Gò Vấp
 - 06/1987 – 06/1989: Kế toán trưởng Ban quản lý công trình Q.Gò Vấp
 - 06/1989 – 06/1991: Kế toán viên công ty liên doanh Seawang
 - 06/1997 – 07/2008: Phó phòng kế toán, kế toán trưởng Xí nghiệp Seaprodex SaiGon
 - 08/2008 – 12/2011: Phó Giám đốc CN Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
 - 01/2012 – 09/2012: Trưởng phòng quản lý vốn Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam
 - 04/2012 – 07/2013: Trưởng BKS Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản
 - 10/2012 – đến nay: Chủ tịch HĐQT Seaprodex SaiGon kiêm kế toán trưởng Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam
- Chức vụ công tác tại tổ chức ĐKGD: Chủ tịch HĐQT Seaprodex



- Chức vụ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản, kiêm kế toán trưởng Tổng công ty Thủy sản Việt Nam
- Số cổ phần nắm giữ: 3.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,03%/vốn điều lệ)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Những người có liên quan: Con ruột Lê Thanh Đạo nắm giữ 2.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,02%/vốn điều lệ)

12.1.2. Họ và tên:

Huỳnh Quang Thanh

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 31/12/1959
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 022022727 cấp ngày 28/08/2010 tại CA Tp.Hồ Chí Minh
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đức Phổ - Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: 2B Phổ Quang, P.2, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc: 0903906921
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:
 - 1993 – nay: Giám đốc công ty Hiệp Long
 - 2012 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Seaprodex SaiGon
- Chức vụ công tác tại tổ chức ĐKGD: Phó Chủ tịch HĐQT Seaprodex SaiGon
- Chức vụ ở các tổ chức khác: Giám đốc công ty Hiệp Long



- Số cổ phần nắm giữ: 100.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 1,04%/vốn điều lệ)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Những người có liên quan: Vợ: Võ Thị Thủy, nắm giữ 700.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 7,29%/vốn điều lệ)

12.1.3. Họ và tên: Nguyễn Văn Liêm

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/10/1971
- Nơi sinh: Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 023505540 cấp ngày 03/05/2012 tại CA Tp.Hồ Chí Minh
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 27 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc: 0903113355
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính – Đại học Ngân hàng Tp.Hồ Chí Minh
- Quá trình công tác:
 - 1994 – 2000: Phòng Tín dụng – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín
 - 1999 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Mộc Đức



- 2009 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Vàng Toàn Cầu
- 2008 – 2011: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nam Tiến
- 2004 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thanh Niên
- Chức vụ công tác tại tổ chức ĐKGD: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Seaprodex SaiGon
- Chức vụ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thanh Niên
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0%/vốn điều lệ)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Những người có liên quan: Không có

12.1.4. Họ và tên:

Nguyễn Anh Tuấn

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 16/10/1976
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 191171456 cấp ngày 24/02/2003 tại CA Huế
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú: 160/25/17E Bùi Đình Túy, P.12, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc: (84-8) 38291335/0937712712
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:



- 1998 – 2003: Cán bộ phòng nhập khẩu Seaprodex SaiGon
- 2003 – 2010: Phó phòng nhập khẩu Seaprodex SaiGon
- 2010 – 2011: Trưởng phòng nhập khẩu Seaprodex SaiGon
- 2011 – nay: Phó Tổng Giám đốc Seaprodex SaiGon
- Chức vụ công tác tại tổ chức ĐKGD: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Seaprodex SaiGon
- Chức vụ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0%/vốn điều lệ)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có

12.1.5. Họ và tên:

Mai Xuân Phong

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07/12/1973
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 012446772 cấp ngày 21/03/2012 tại CA Tp.Hồ Chí Minh
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: P.Đông Vệ, Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: Phòng 03, tầng 11, block D, khu căn hộ New Sài Gòn, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc: 0983070066
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế thủy sản, Thạc sỹ hành chính công



- Quá trình công tác:
 - 12/1996 – 11/1997: Viện kinh tế quy hoạch thủy sản – Bộ Thủy sản
 - 12/1997 – 07/2007: Vụ tổ chức cán bộ - Bộ Thủy sản
 - 08/2007 – 03/2008: Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
 - 04/2008 – 09/2011: Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
 - 10/2011 – nay: Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam
- Chức vụ công tác tại tổ chức ĐKGD: Thành viên HĐQT Seaprodex SaiGon
- Chức vụ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng Tổ chức và Xuất khẩu lao động của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam và thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0%/vốn điều lệ)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có

11.2. Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Bảng 19: Danh sách thành viên BTGD và Kế toán trưởng của Seaprodex SaiGon

Stt	Họ và Tên	Chức vụ
1	Nguyễn Duy Dũng	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Văn Liêm	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
4	Đỗ Thị Hồng	Phó Tổng Giám đốc
5	Trần Thị Minh Nga	Kế toán trưởng

Nguồn: Seaprodex SaiGon

12.2.1. Tổng Giám đốc: Nguyễn Duy Dũng



- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/09/1959
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 023149254 cấp ngày 31/05/2006 tại CA Tp.Hồ Chí Minh
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thừa Thiên – Huế
- Địa chỉ thường trú: 204/18 Nơ Trang Long, P.12, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc: 0903901646
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính công nghiệp
- Quá trình công tác:
 - 05/1984 – 10/1989: Cán bộ thanh tra Tài chính Trung ương – Bộ Tài chính
 - 11/1989 – 12/2001: Phó giám đốc Seaprodex SaiGon
 - 01/2002 – 12/2006: Trưởng ban Tài chính kế toán Tổng công ty Thủy sản Việt Nam
 - 01/2007 – 12/2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
 - 01/2010 – nay: Tổng Giám đốc Seaprodex SaiGon
- Chức vụ công tác tại tổ chức ĐKGD: Tổng Giám đốc Seaprodex SaiGon
- Chức vụ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 51.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,53%/vốn điều lệ)

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có

12.2.2. Phó Tổng Giám đốc: Nguyễn Văn Liêm

Lý lịch đã trình bày ở mục 12.1.3

12.2.3. Phó Tổng Giám đốc: Nguyễn Anh Tuấn

Lý lịch đã trình bày ở mục 12.1.4

12.2.4. Phó Tổng Giám đốc: Đỗ Thị Hồng

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 27/08/1965
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 021567029 cấp ngày 08/05/2007 tại CA Tp.Hồ Chí Minh
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Dương
- Địa chỉ thường trú: 49 Đồng Khởi, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc: 0903813952
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 1989 – 1992: Kế toán Công ty Tài chính tín dụng SeaproDEX
 - 1992 – 1995: Cán bộ nhập khẩu tại SeaproDEX Sài Gòn
 - 1995 – 1997: Phó phòng Nhập khẩu SeaproDEX Sài Gòn
 - 1997 – 2001: Trưởng phòng Nhập khẩu SeaproDEX Sài Gòn
 - 2001 – 2006: Phó giám đốc SeaproDEX Sài Gòn



- 2007 – nay: Phó Tổng Giám đốc Seaprodex SaiGon
- Chức vụ công tác tại tổ chức ĐKGD: Phó Tổng Giám đốc Seaprodex SaiGon
- Chức vụ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ : 1.600 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,0167%/vốn điều lệ)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Những người có liên quan: Không có

12.2.5. Kế toán trưởng: Trần Thị Minh Nga

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 23/08/1969
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 022079647 cấp ngày 16/12/2010 tại CA Tp.Hồ Chí Minh
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 9 Ngô Đức Kế, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc: 0903771779
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Ngân hàng
- Quá trình công tác:
 - 12/1992 – 12/1996: Kế toán Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Tp.Hồ Chí Minh
 - 01/1997 – 12/2006: Phó phòng Kế toán Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Tp.Hồ Chí Minh



- 01/2007 – 02/2011: Phó phòng Kế toán Seaprodex SaiGon
- 03/2011 – nay: Kế toán trưởng Seaprodex SaiGon
- Chức vụ công tác tại tổ chức ĐKGD: Kế toán trưởng Seaprodex SaiGon
- Chức vụ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0%/vốn điều lệ)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Những người có liên quan: Chị ruột Trần Thị Minh Phương nắm giữ 77.100 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,80%/vốn điều lệ)

11.3. Ban kiểm soát

Bảng 20: Danh sách thành viên BKS của Seaprodex SaiGon

Stt	Họ và Tên	Chức vụ
1	Lê Thị Minh Liên	Trưởng BKS
2	Trần Việt Hà	Thành viên
3	Trương Văn Toa	Thành viên

Nguồn: Seaprodex SaiGon

12.3.1. Họ và tên:

Lê Thị Minh Liên

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 14/04/1960
- Nơi sinh: Tiền Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 022055429 cấp ngày 27/07/2004 tại CA Tp.Hồ Chí Minh
- Dân tộc: Kinh



- Quê quán: Tiền Giang
- Địa chỉ thường trú: 596/39/15 Điện Biên Phủ, P.22, Q.Bình Thạnh
Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc: 0903982255
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:
 - 1986 – 1988: Nhân viên Phòng công nghiệp quận 4
 - 1998 – 2003 : Kế toán Chi nhánh Kho vận Seaprodex SaiGon
 - 2003 – 2007: Kế toán trưởng Chi nhánh Kho vận Seaprodex SaiGon
 - 2007 – nay: Trưởng BKS tại Seaprodex SaiGon
- Chức vụ công tác tại tổ chức ĐKGD: Trưởng BKS Seaprodex SaiGon
- Chức vụ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 4.800 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,05%/vốn điều lệ)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Những người có liên quan: Không có

12.3.2. Họ và tên: Trần Việt Hà

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 18/10/1962
- Nơi sinh: Hà Đông, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 024016861 tại CA Tp.Hồ Chí Minh
- Dân tộc: Kinh



- Quốc quán: Ninh Hà, Ninh Hòa, Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú: A10/9 chung cư 360C Bến Vân Đồn, P.1, Q.4,
Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc: 0913926026
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngân hàng
- Quá trình công tác:
 - 02/1988 – 04/1991: Kế toán tại Công ty Tài chính Tín dụng Seaprodex
 - 04/1991 – 2000 : Kế toán tại Tổng công ty thủy sản Việt Nam
 - 2000 – nay: Phó phòng tài chính kế toán tại Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam
- Chức vụ công tác tại tổ chức ĐKGD: Thành viên BKS Seaprodex SaiGon
- Chức vụ công tác tại tổ chức khác : Phó phòng tài chính kế toán tại Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: 13.300 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,44%/vốn điều lệ)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Những người có liên quan: Không có

12.3.3. Họ và tên: Trương Văn Toa

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/12/1976
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 024001322 cấp ngày 06/03/2002 tại CA Tp.Hồ Chí Minh



- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 414/18 Nguyễn Duy Trinh, Q.2, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc: 0989596259
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học luật
- Quá trình công tác:
 - 2001 – 2003: Phòng pháp chế tại Ngân hàng TMCP Nam Việt
 - 2004 – 2008: Giám đốc pháp lý tại Tập đoàn Dược Merap
 - 2009 – 2011: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thanh Niên
 - 2011 – nay: Phó chủ tịch HĐQT Công ty SaiCom
- Chức vụ công tác tại tổ chức ĐKGD: Thành viên BKS Seaprodex SaiGon
- Chức vụ ở các tổ chức khác: Phó chủ tịch HĐQT Công ty SaiCom
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0%/vốn điều lệ)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Những người có liên quan: Không có

12. Tài sản

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính kiểm toán của công ty tại thời điểm 31/12/2012 như sau:

Bảng 21: Giá trị TSCĐ của Seaprodex SaiGon tại thời điểm 31/12/2012 Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	94.107.884.132	54.135.244.750	39.972.639.382



1	Nhà cửa, vật kiến trúc	42.379.346.384	25.490.540.324	16.888.806.060
2	Máy móc, thiết bị	45.523.541.868	24.664.178.790	20.859.363.078
3	Phương tiện vận tải	5.307.837.285	3.186.551.547	2.121.285.738
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	897.158.595	793.794.089	103.184.506
II	TSCĐ vô hình	19.660.138.125	3.259.920.684	16.400.217.441
1	Quyền sử dụng đất	19.154.557.938	2.854.702.737	16.299.855.201
2	Phần mềm vi tính	505.580.187	405.217.947	100.362.240
	Tổng cộng	113.768.022.257	57.395.165.434	56.372.856.823

Nguồn: BCKT năm 2012 của Seaprodex SaiGon

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính kiểm toán của công ty tại thời điểm 30/06/2013 như sau:

Bảng 22: Giá trị TSCĐ của Seaprodex SaiGon tại thời điểm 30/06/2013 Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	94.463.240.113	58.046.542.238	36.416.697.875
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	42.568.239.565	26.604.949.018	15.963.290.547
2	Máy móc, thiết bị	45.551.704.668	27.107.540.901	18.444.163.767
3	Phương tiện vận tải	5.446.137.285	3.510.994.046	1.935.143.239
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	897.158.595	823.058.273	74.100.322
II	TSCĐ vô hình	19.660.138.126	3.347.455.740	16.312.682.386
1	Quyền sử dụng đất	19.154.557.939	2.929.692.513	16.224.865.426
2	Phần mềm vi tính	505.580.187	417.763.227	87.816.960
	Tổng cộng	114.123.378.239	61.393.997.982	52.729.380.261

Nguồn: BCTC 6 tháng năm 2013 của Seaprodex SaiGon

Tình hình sử dụng đất của công ty như sau :

Bảng 23: Tình hình sử dụng đất của công ty

Stt	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hình thức sở hữu	Hiện trạng sử dụng
1	87 Hàm Nghi, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh	1.506	Thuê nhà từng năm	Văn phòng làm việc
2	200 Điện Biên Phủ, P.7, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	678,6	Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất 50 năm từ 17/12/2007 số AK368100	Nhà cửa xuống cấp hiện đang để trống
3	678 Âu Cơ, P.14, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	22.379	Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất số 6512 Đất thuê 15 năm từ 2005 đến 2020. Đất thuê trả tiền hằng năm	Ký hợp đồng hợp tác xây dựng khu phức hợp thương mại Cho thuê kho bãi, kho lạnh, sản xuất chế biến thủy sản
4	Đất 665 – 667 Lò Gò, P.9, Q.6, Tp.Hồ Chí Minh	2.406,7	Đất thuê trả tiền hàng năm	Chi nhánh Xí nghiệp Kho vận quản lý
5	338 ^a Trần Văn Kiêu, P.7, Q.6, Tp.Hồ Chí Minh	853,3	Đất thuê 5 năm từ 1996	Đã hết hợp đồng thuê, đang làm thủ tục gia hạn. Kinh doanh cho thuê
6	Lô E, đường 12, KCN Sóng Thần II, Bình Dương	8.804	Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất số 233/QĐSDĐ/2003 Đất thuê 50 năm đến T12/2045	Kinh doanh cho thuê



7	Tổ 2, P.Bò Đề, Q.Long Biên, Hà Nội	2.300	Chỉ có tờ khai hiện trạng sử dụng đất và giấy nộp thuế đất 1996-2000	Trụ sở văn phòng Xí nghiệp Cho thuê mặt bằng
Tổng cộng		38.927,6		

Nguồn: Seaprodex SaiGon

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013

Tại Đại hội đồng cổ đông năm 2013, BTGD báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2012 và đưa ra phương hướng kế hoạch kinh doanh cho năm 2013 như sau:

Bảng 24: Kế hoạch lợi nhuận của Seaprodex SaiGon năm 2013

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2013	
			Giá trị	% tăng giảm so với 2012
1	Vốn điều lệ	1.000 đ	96.000.000	-
2	Doanh thu thuần	1.000 đ	437.300.144	64,33
3	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ		
3.1	<i>Phương án 1</i>	<i>1.000 đ</i>	<i>618.928</i>	<i>102,61</i>
3.2	<i>Phương án 2</i>	<i>1.000 đ</i>	<i>2.750.114</i>	<i>111,64</i>
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%		
4.1	<i>Phương án 1</i>	%	<i>0,14</i>	
4.2	<i>Phương án 2</i>	%	<i>0,63</i>	
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%		



5.1	Phương án 1	%	0,64	
5.2	Phương án 2	%	2,86	
6	Cổ tức	%	-	-

Nguồn: Seaprodex SaiGon

Nhìn chung, dự kiến kế hoạch lợi nhuận của công ty năm 2013 được xây dựng trên cơ sở tiếp tục phát triển các ngành nghề kinh doanh hiện có. Bên cạnh đó, kế hoạch lợi nhuận của công ty phụ thuộc rất nhiều vào việc thu hồi nợ, thanh lý tài sản đảm bảo và kết quả làm việc với các ngân hàng, nên công ty có hai phương án lợi nhuận phụ thuộc vào việc thu nợ này, điều đó cho thấy sự thận trọng của công ty trong việc lên kế hoạch sản xuất kinh doanh. Phương án 1 công ty đưa ra trong trường hợp không đòi được các khoản phải thu quá hạn, cũng như không thành công trong đàm phán với các tổ chức về việc mua bán nợ. Phương án 2 công ty đưa ra khi thu hồi thành công các khoản phải thu quá hạn, và mua bán các khoản nợ thành công. Do đó, công ty nỗ lực thu hồi lại các khoản công nợ khó đòi kết hợp với việc quản lý Chi nhánh Xi nghiệp Kho vận, Chi nhánh Kho lạnh Seaprodex SaiGon hoạt động hiệu quả để đạt được chỉ tiêu lợi nhuận đề ra.

Công ty đề ra các biện pháp thực hiện đối với mỗi mảng hoạt động cụ thể như sau:

▪ **Nhập khẩu:**

- Đẩy mạnh kinh doanh các mặt hàng chiến lược công ty đã có thế mạnh như các mặt hàng thép, phụ tùng máy móc, thuốc bảo vệ thực vật, các loại hạt nhựa... tiếp tục mở rộng kinh doanh hàng thực phẩm, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo an toàn về vốn và có hiệu quả.
- Tăng cường đội ngũ kinh doanh có kinh nghiệm, mở rộng khai thác khách hàng, tìm kiếm các mặt hàng mới.
- Hạn chế tối đa hàng tồn kho, nâng cao vòng quay vốn trong kinh doanh.
- Hạn chế những mặt hàng không mang lại lợi nhuận, liên kết với những đơn vị sản xuất nhằm tạo sự ổn định trong kinh doanh nhập khẩu.

▪ **Xuất khẩu:**

- Hạn chế những mặt hàng xuất khẩu có tính chất rủi ro, không mang lại lợi nhuận. Bổ sung cán bộ kinh doanh xuất khẩu có kinh nghiệm, tìm kiếm khách hàng nước ngoài.
- Mở rộng thị trường xuất khẩu thủy sản bằng cách tham gia các hội chợ, triển lãm; chú trọng các thị trường có sức mua lớn như Nhật, Mỹ, EU, đồng thời tăng cường mở rộng thị phần các thị trường Trung Quốc, Hồng Kông, Asean, Hàn Quốc, Đài Loan... Liên doanh, liên kết đầu tư góp vốn với các đơn vị chế biến thủy sản nhằm nhằm tạo cơ sở vật chất để sản xuất các mặt hàng có tiêu chuẩn chất lượng khắt khe và tạo nền tảng tham gia đầu tư tài chính vào các công ty làm ăn hiệu quả.
- **Kinh doanh nội thương, dịch vụ:**
 - Tăng cường marketing, khai thác tối đa diện tích kho, bãi tại các chi nhánh.
 - Tìm khách hàng cho thuê ngắn hạn đối với các khu vực chờ triển khai dự án đầu tư.
 - Tiếp tục khai thác tối đa kho lạnh tại Chi nhánh Kho lạnh Sóng Thần, tăng cường quảng cáo trên các phương tiện báo đài, tích cực giữ khách hàng cũ và đi địa phương khai thác thêm những khách hàng mới; xác định mặt hàng khai thác chủ lực và đa dạng mặt hàng khai thác; xây dựng chính sách giá linh động đáp ứng nhu cầu cạnh tranh gay gắt của thị trường.
- **Sản xuất chế biến thủy sản:**
 - Tập trung duy trì sản xuất chế biến, gia công cho các đơn vị, tận dụng khai thác nhà máy để đảm bảo thu được khấu hao cũng như việc trả lương cho CBCNV.
 - Bên cạnh đó, cần quan tâm đến vấn đề môi trường, tránh làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh do phát sinh ô nhiễm trong quá trình chế biến thủy sản.
- **Dự án đầu tư:**
 - Triển khai tiếp các dự án đầu tư đã được ĐHCĐ thông qua, tìm các đối tác liên doanh liên kết có năng lực tài chính, kinh nghiệm thực hiện đầu tư.
 - Hiện nay công ty có các dự án cần triển khai như sau:
 - Dự án tại khu đất 678 Âu Cơ, P.14, Q.Tân Bình liên kết với Tập đoàn Tây Hồ đang điều chỉnh thời gian thực hiện và mức lợi nhuận.



- Dự án tại khu đất 665 – 667 Lò Gò, Q.6 và 338/1A Trần Văn Kiểu, Q.6 đang hoạt động cho thuê kho trong khi chờ triển khai dự án.
- Dự án tại địa chỉ 200 Điện Biên Phủ, Q.3 chưa triển khai được do một số khó khăn về thủ tục.

▪ **Kết quả doanh thu, lợi nhuận 6 tháng 2013 so với kế hoạch:**

Theo Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013, doanh thu thuần của Công ty là 148,50 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 33,96% so với kế hoạch đề ra năm 2013. Tuy nhiên, do chi phí của công ty cao nên lợi nhuận sau thuế bị âm 1,36 tỷ đồng.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch

Không có.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới tổ chức đăng ký giao dịch

Không có.

**V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH****1. Loại chứng khoán**

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu (*mười nghìn đồng/một cổ phiếu*).

3. Mã chứng khoán

SSN

4. Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch

Tổng số cổ phiếu đăng ký giao dịch là 9.600.000 cổ phiếu (*Chín triệu sáu trăm ngàn cổ phiếu*), tổng trị giá theo mệnh giá là 96.000.000.000 đồng (*Chín mươi sáu tỷ đồng*).

5. Phương pháp tính giá*** Phương pháp giá trị sổ sách**

Giá trị sổ sách một cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn tại thời điểm 31/12/2011 như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của một} & & \text{Nguồn vốn chủ sở hữu} \\ \text{cổ phần} & = & \text{-----} \\ & & \text{Tổng số cổ phần đang lưu hành} \\ & & 99.882.031.816 \\ & = & \text{-----} \\ & & 9.600.000 \\ & = & \mathbf{10.404 \text{ đồng/cổ phần}} \end{aligned}$$

Giá trị sổ sách một cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn tại thời điểm 31/12/2012 như sau:



$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của một} & & \text{Nguồn vốn chủ sở hữu} \\ \text{cổ phần} & = & \text{-----} \\ & & \text{Tổng số cổ phần đang lưu hành} \\ & & 74.105.366.270 \\ & = & \text{-----} \\ & & 9.600.000 \\ & = & \mathbf{7.719 \text{ đồng/cổ phần}} \end{aligned}$$

Giá trị sổ sách một cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn tại thời điểm 30/06/2013 như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của một} & & \text{Nguồn vốn chủ sở hữu} \\ \text{cổ phần} & = & \text{-----} \\ & & \text{Tổng số cổ phần đang lưu hành} \\ & & 71.973.030.606 \\ & = & \text{-----} \\ & & 9.600.000 \\ & = & \mathbf{7.497 \text{ đồng/cổ phần}} \end{aligned}$$

*** Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên:**

Mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu SSN sẽ được Công ty thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm chính thức đưa cổ phiếu vào đăng ký giao dịch.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Căn cứ theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam thì: *“nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì áp dụng theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp tỷ lệ sở hữu bên nước ngoài được phân theo danh mục các ngành nghề cụ thể thì áp dụng theo danh mục phân loại”*.

Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi của công ty được ĐHĐCĐ thông qua tháng 4 năm 2012 không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của công ty. Tính đến thời điểm ngày 23/08/2013, công ty có một cá nhân nước ngoài nắm giữ 20.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,21%) và không có cổ đông là pháp nhân nước ngoài.

7. Các loại thuế có liên quan

6.1. Đối với Công ty

- Thuế giá trị gia tăng:
 - Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
 - Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà công ty phải chịu là 10%.
 - Khai và nộp thuế: thực hiện hàng tháng bởi quy định của luật quản lý thuế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%/năm.
 - Khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp: theo quy định của luật quản lý thuế: khai thuế tạm tính và nộp hàng quý, khai quyết toán năm.
- Các loại thuế khác: Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

6.2. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

Thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

- Đối với nhà đầu tư tổ chức:
 - Tổ chức trong nước: nhà đầu tư tổ chức thực hiện nộp thuế thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 03 thông qua ngày 03/06/2008 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2009.



- Theo quy định Thông tư 130/2008/TT-BTC thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 25%.
- Tổ chức nước ngoài: Tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008.
- Đối với nhà đầu tư cá nhân:
 - Nhà đầu tư chứng khoán cá nhân thực hiện nộp thuế thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn theo Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 02 thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2009.
 - Theo Nghị định 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/09/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
 - Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán:
 - Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán, bao gồm cả chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua, các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.
 - Chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh có chứng từ, hóa đơn hợp pháp, bao gồm:
 - ✓ Phí nhận chuyển nhượng và phí chuyển nhượng chứng khoán.
 - ✓ Phí lưu ký chứng khoán.
 - ✓ Chi phí uỷ thác chứng khoán.
 - ✓ Các khoản chi phí khác.
 - Thu nhập từ cổ tức:



- Đối với nhà đầu tư tổ chức: Nhà đầu tư tổ chức được miễn thuế thu nhập từ cổ tức theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2008.
- Đối với nhà đầu tư cá nhân: Theo thông tư số 84/2008/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
- Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

▪ *Trụ sở chính:*

- Địa chỉ: Tầng 12 và 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 39366426 Fax: (84-4) 39360262
- Website: www.vcbs.com.vn
- Email: vcbs@vcbs.com.vn

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 24/02/2002.

Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 09/GPHĐKD do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 24/02/2002.

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

- Địa chỉ: 426 Cao Thắng, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 38683306



VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I **Giấy CNĐKKD Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn**
2. Phụ lục II **Điều lệ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn**
3. Phụ lục III **Các báo cáo tài chính**
 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2012.
 - Báo cáo tài chính quý II năm 2013.



Tp.Hồ Chí Minh, ngày tháng 10 năm 2013

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN SÀI GÒN
CHỦ TỊCH HĐQT **TỔNG GIÁM ĐỐC**

BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO

NGUYỄN DUY DŨNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THỊ MINH LIÊN

TRẦN THỊ MINH NGA

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
GIÁM ĐỐC CN TP.HỒ CHÍ MINH

LÊ VĂN MINH